TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2023/HS-ST
Ngày: 14-09-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Văn Hậu

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Xuân Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2023/TLST - HS ngày 20 tháng 07 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 191/2023/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 08 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Tân T.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Sinh ngày 10/10/1987, tại huyện D, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: Lê Ngọc H, họ và tên mẹ: Cao Thị H1. Anh chị em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ: Hoàng Thị D. Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2023 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Có mặt tại phiên toà.

Người chứng kiến: Anh Đậu Đức Ú, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm F, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 14/4/2023, khi Lê Tân T đang ở nhà thì nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng nên gọi điện thoại cho một người đàn ông tên T1 (trú tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An) và nói: "Anh có màu không lấy cho em một túi", nghĩa là T muốn mua 01 gói ma túy hồng phiến thì T1 trả lời "Để anh coi có chi anh điện lại". Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T1 gọi lại nói với T "Em chạy ra trước sân ngõ nhà em, tìm gói màu hồng anh để ở góc sân, hết sáu triệu, khi nào lấy được thì anh nhắn số tài khoản để chuyển tiền cho anh sau". Nghe vậy, T đi ra trước sân, quan sát xung quanh thì thấy có một gói ni lông màu hồng để ở dưới gốc cây sung. T mở ra kiểm tra bên trong gói ni lông chứa các viên nén màu hồng. Sau đó, T cầm gói ma túy ở bàn tay phải rồi đi tìm nơi để sử dụng. Khi đi đến khu vực đường liên xóm thuộc xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an huyện D phối hợp với Đoàn đặc nhiệm phòng chống tội phạm ma túy số 2 - Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang, thu giữ bên tay phải của T 01 (một) gói ni lông màu hồng bên trong chứa 199 (một trăm chín mươi chín) viên nén màu hồng nghi là ma túy; 01 (một) điện thoại di động Nokia màu xanh. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng và đưa người về trụ sở Công an huyện D để làm việc.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D và tại Bản Kết luận giám định số 457/KL-KTHS (Đ2-MT) ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Lê Tân

T gửi tới giám định là ma túy; loại Methamphetamine. Số viên nén màu hồng có đặc điểm giống nhau thu giữ khi bắt quả tang Lê Tân T có khối lượng là 19,95 gam.

Tại bản cáo trạng số: 105/CT-VKS-DC ngày 18/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu truy tố Lê Tân T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tân T từ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng đến 08 (T2) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 189 viên ma túy (Methamphetamine) có tổng khối lượng là 18,95 gam, là vật chứng còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định thu của Lê Tân T.

Tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của Lê Tân T, là chiếc điện thoại mà bị cáo T sử dụng vào việc liên lạc để trao đổi mua ma túy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì; lời nói sau cùng của bị cáo sau khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện

kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều được thực hiện hợp pháp.

[2]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội, khai nhận hành vi thực hiện của mình phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với nội dung của Cáo trạng đã quy kết, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 19 giờ 50 phút ngày 14/4/2023, tại khu vực đường liên xóm thuộc xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, Lê Tân T đã có hành vi tàng trữ trái phép 19,95 gam (mười chín phẩy chín mươi lăm gam) ma túy Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị Tổ công tác Công an huyện D phối hợp với Đoàn đặc nhiệm Phòng chống tội phạm ma túy số 2 - Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển kiểm tra, bắt quả tang. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" với tình tiết định khung hình phạt là “Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính chất vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma tuý; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội; mặc dù biết ma túy là chất gây nghiện, có tác hại xấu đến sức khỏe của con người, làm băng hoại đạo đức, lối sống, tuần phong mỹ tục và gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của bản thân, gia đình và xã hội là nguyên nhân làm phát sinh

các loại tội phạm khác, Nhà nước đã nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Vì thỏa mãn cơn nghiện và thái độ coi thường pháp luật, bị cáo vẫn lao vào con đường phạm tội. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, đồng thời ngăn ngừa tội phạm mới và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; biên bản xác minh điều kiện kinh tế đối với bị cáo và lời khai của bị cáo tại phiên tòa; thì bị cáo không có công việc, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

- 189 viên ma túy (Methamphetamine) có tổng khối lượng là 18,95 gam là vật chứng còn lại sau khi đã lấy mẫu 10 viên ma túy (Methamphetamine), có khối lượng 01 gam để giám định thu của Lê Tân T, là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu giữ của Lê Tân T, là chiếc điện thoại mà bị cáo T sử dụng vào việc liên lạc để trao đổi mua ma túy nên cần tịch thu hóa giá nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6]. Về nội dung liên quan khác: Đối với người đàn ông tên T1 là người bán ma túy cho T vào ngày 14/4/2923 (Theo lời khai của T), do không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra, xử lý, khi nào xác minh rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Tân Trọng phạm t "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Tân T 08 (T2) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 14/4/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) phong bì thư theo đúng quy định, dán kín, trên mép dán có chữ ký cán bộ tham gia, bị cáo Lê Tân T và hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, bên trong có chứa vật chứng thu giữ của Lê Tân T còn lại sau khi lấy giám định gồm: 189 (Một trăm tám mươi chín) viên ma túy (Methamphetamine) có tổng khối lượng

là 18,95 gam; 01 (Một) gói nilon màu hồng và 01 (Một) phong bì thư niêm phong ban đầu.

- Tịch thu, hóa giá để nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, số seri: 354275381933266, máy đã qua sử dụng thu giữ của Lê Tân T. (Vật chứng hiện đang lưu tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu và phiếu nhập kho ngày 24/7/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Diễn Châu).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Tân T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Diễn Châu;
- Chi cục THADS huyện Diễn Châu;
- Công an huyện Diễn Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thanh Minh